

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 4 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng
2. Ông Phạm Văn Liệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Bích T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 108, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Minh T2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 108, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 30/12/2020, Biên bản hòa giải ngày 12/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Bích T1 trình bày:*

Chị Dương Thị Bích T1 và anh Trần Minh T2 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2017. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ngày 25/01/2018. Trước khi kết hôn anh chị do mai mối

nên kết hôn. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian đầu chị Dương Thị Bích T1 và anh Trần Minh T2 chung sống có hạnh phúc. Từ lúc chị T1 mang thai thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Anh T2 còn nghiện rượu, tham gia chơi đá gà, chị T1 đã khuyên nhiều lần nhưng anh T2 vẫn không thay đổi nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì gia đình hai bên có gặp nhau trao đổi hàn gắn nhưng không thành.

Nay chị Dương Thị Bích T1 yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh T2.

+ *Về con chung*: Chị Dương Thị Bích T1 và anh Trần Minh T2 có một con chung là Trần Minh T3, sinh ngày 28/8/2018. Hiện nay cháu T3 đang sống với anh T2. Cháu còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi nên chưa gửi nhà trẻ.

Hiện nay thu nhập bình quân hàng tháng của chị T1 đang ở nhà tại ấp Nam, xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp làm công việc lật ốt, thu nhập khoảng 3.000.000 đồng/tháng.

Nay chị Dương Thị Bích T1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Minh T3, sinh ngày 28/8/2018 đến khi thành niên. Do cháu T3 còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của chị T1, còn anh T2 nhậ nhiều nên không chăm sóc cháu T3 được. Chị Dương Thị Bích T1 không yêu cầu anh T2 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

+ *Về tài sản chung*: Gồm 10 chỉ vàng 24kara; 05 chỉ vàng 18kara. Hiện do chị T1 quản lý và 05 chỉ vàng 24kara do anh T2 quản lý. Tại đơn khởi kiện chị Dương Thị Bích T1 yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung. Chị Dương Thị Bích T1 được nhận 7,5 chỉ vàng 24kara và 2,5 chỉ vàng 18kara. Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chị T1 không yêu cầu chia tài sản chung nữa, do chị T1 và anh T2 đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Biên bản hòa giải ngày 12/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Minh T2 trình bày.*

Anh Trần Minh T2 thống nhất theo trình bày của chị Dương Thị Bích T1 về quá trình chung sống và kết hôn. Trước khi kết hôn anh chị do mai mối nên kết hôn. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Anh T2 thừa nhận anh có nhậ nhưng 01 tuần chỉ nhậ 01 lần, anh T2 có tham gia đá gà nhưng lâu lâu mới chơi. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì gia đình hai bên có gặp nhau trao đổi hàn gắn nhưng không thành. Anh T2 có hàn gắn, nhưng chị T1 không đồng ý.

Nay anh Trần Minh T2 không đồng ý ly hôn với chị Dương Thị Bích T1. Do anh T2 vẫn còn thương chị T1, mong muốn được hàn gắn tình cảm.

+ *Về con chung*: Chị Dương Thị Bích T1 và anh Trần Minh T2 có một con chung là Trần Minh T3, sinh ngày 28/8/2018. Hiện nay cháu T3 đang sống với anh T2. Cháu còn nhỏ nên chưa gửi nhà trẻ.

Nay anh Trần Minh T2 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T3 đến khi thành niên. Anh Trần Minh T2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do anh T2 có điều kiện kinh tế hơn. Anh T2 hiện đang làm thợ hồ, thu nhập 9.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, anh T2 còn canh tác khoảng 20.000m² đất ruộng của cha mẹ.

+ *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Dương Thị Bích T1 và anh Trần Minh T2; Trích lục khai sinh của Trần Minh T3; Giấy chứng minh nhân dân của chị Dương Thị Bích T1; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện; Bản khai của anh Trần Minh T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Bích T1 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Minh T2 cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 26 tháng 03 năm 2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2021, vụ án được xét xử vào lúc 07 giờ 30 ngày 14 tháng 4 năm 2021, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2021, phiên tòa được xét xử vào lúc 13 giờ 40 phút ngày 23/4/2021, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Dương Thị Bích T1 và anh Trần Minh T2 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2017. Sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/01/2018. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Dương Thị Bích T1 và anh Trần Minh T2 là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan T2, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Dương Thị Bích T1 xác định: Trong thời gian anh chị chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Ngoài ra, anh T2 hay nhậu và tham gia đá gà. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, anh chị có hàn gắn nhưng không thành, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 đối với anh T2 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ lúc chị Dương Thị Bích T1 và anh Trần Minh T2 ly thân cho đến nay, cháu Trần Minh T3, sinh ngày 28/8/2018 sống với anh T2. Anh T2 đang làm thợ hồ, thu nhập 9.000.000 đồng/tháng và anh T2 canh tác khoảng 20.000m² đất ruộng của cha mẹ. Chị T1 đang làm công việc lật ốt, thu nhập khoảng 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, cháu Trần Minh T3 dưới 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ người mẹ là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình:

“Khoản 3 Điều 81: Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị T1. Giao cháu Trần Minh T3, sinh ngày 28/8/2018 cho chị T1 được nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị T1 trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh T2 không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Do chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nên anh T2 không phải cấp dưỡng cho con.

[2.4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Dương Thị Bích T1 phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Bích T1.

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị Bích T1 được ly hôn với anh Trần Minh T2.

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh T3, sinh ngày 28/8/2018 cho chị Dương Thị Bích T1 được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Anh Trần Minh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T1 không yêu cầu.

Anh Trần Minh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Chị Dương Thị Bích T1 cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Trần Minh T2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Dương Thị Bích T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.577.000đ (bằng chữ: Một triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0011037 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Dương Thị Bích T1 được nhận lại số tiền 1.277.000đ (bằng chữ: Một triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Anh Trần Minh T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trinh